

I. LUYỆN ĐỀ BÀN VỀ VẤN ĐỀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC

Đề: 1

Nhà phê bình Hoài Thanh viết: *Thích một bài thơ, theo tôi nghĩ, trước hết là thích một cách nhìn, một cách nghĩ, một cách xúc cảm, một cách nói, nghĩa là trước hết là thích một con người.*

(*Tuyển tập Hoài Thanh*, tập II, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1982)

Anh (chị) suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- Thích là trạng thái, sắc độ cảm xúc yêu mến, nghiêng về cảm tính, khoái cảm.
 - Thích một bài thơ có nghĩa là tác phẩm ấy phải có sức hấp dẫn riêng. Có nhiều yếu tố để gọi ra đam mê nghệ thuật, trước hết là một cách nghĩ, một cách xúc cảm tức sức hấp dẫn về nội dung; một cách nói hay sức hấp dẫn từ hệ thống các phong tiện biểu đạt. Tựu trung lại là thích một con người. Con người ở đây không đơn thuần hay đồng nhất với con người ngoài đời mà đó là một cá tính văn chương, một gương mặt nghệ thuật riêng.
 - Chữ một điệp lên như một nốt nhấn, làm nổi bật tính duy nhất, riêng có của tác phẩm nghệ thuật. Một con người thực chất là phong cách nghệ thuật.
- => Ý kiến của Hoài Thanh khẳng định: thích một bài thơ trước hết là thích một con người, thích phong cách của nhà thơ đó. Phong cách ấy phải thể hiện ở cả hai phương diện nội dung và hình thức. Phong cách ấy phải độc đáo (*một cách*), và chỉ khi đạt tới sự độc đáo về cả bốn phương diện (*cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm, cách nói*) thì mới có khả năng tạo nên khoái cảm thẩm mỹ cho người đọc. Đồng thời ý kiến còn đề cập đến vấn đề tiếp nhận văn học (mối quan hệ giữa người đọc và tác phẩm, tác giả),

2. Bình luận

a, Tại sao thích một bài thơ... trước hết là thích một con người, một phong cách?

- Xuất phát từ yêu cầu của sáng tạo nghệ thuật nói chung và thơ nói riêng: một bài thơ hay là bài thơ có cách nhìn, cách nghĩ, cách xúc cảm, cách nói mới mẻ, độc đáo. (Có thể liên hệ đến ý kiến của Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, Nam Cao... để làm sáng tỏ điều này).
- Xuất phát từ đặc trưng của thơ ca: thơ là tiếng nói trữ tình. Mỗi bài thơ phải thể hiện một cách chân thực vẻ đẹp tâm hồn, cá tính của chủ thể sáng tạo. ý kiến của Hoài Thanh gần gũi với ý kiến của Buy-phông: —Phong cách chính là người.

b. Nhận định của Hoài Thanh nêu lên sự gặp gỡ tri âm giữa người sáng tác và người tiếp nhận văn học:

- Đây là một nhận định đúng đắn, sâu sắc. Một bài thơ hay phải là một giá trị độc đáo, một kết tinh của tình cảm thẩm mỹ. Một người yêu thích văn chương phải là người có tâm hồn nhạy cảm, biết rung động, biết khám phá giá trị độc đáo của tác phẩm, từ tác phẩm mà nhận ra phong cách của nhà văn.

- Ý kiến trên đây cho thấy nguyên tắc thẩm mỹ của Hoài Thanh: —lấy hồn tôi để hiểu hồn người. Hoài Thanh từng nói, với bài thơ hay ông thường ngâm đi ngâm lại, thường —triền miên trong đó. Như vậy, người tiếp nhận phải có khả năng nhập thân và đồng sáng tạo cao độ.

- Tuy nhiên, thích và đồng sáng tạo không có nghĩa là bình tán, suy diễn tùy tiện, gượng ép mà phải trên cơ sở hiểu được bản chất, quy luật sáng tạo nghệ thuật, hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức của tác phẩm văn học.

3. Đánh giá

- Qua nhận định của Hoài Thanh giúp bạn đọc thức nhận được điều làm nên vẻ đẹp, sức hấp dẫn của một thi phẩm có nhiều yếu tố như tính dân tộc, tính nhân loại... nhưng điều tiên quyết vẫn là gương mặt nghệ thuật riêng. Mỗi nhà thơ phải có một dạng —văn chữ không trộn lẫn.

- Gửi đến bài học sâu sắc cho người nghệ sĩ trong sáng tạo nghệ thuật và bài học tiếp nhận cho bạn đọc thơ.

Đề 2:

Có ý kiến cho rằng: *Khi tác phẩm kết thúc, ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu.*

Anh (chị) hãy bình luận ý kiến trên.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- *Khi tác phẩm kết thúc* là khi tác giả đã hoàn thành tác phẩm cũng là khi người đọc đã đọc xong tác phẩm.

- *ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu* nghĩa là, lúc bấy giờ tác phẩm mới thực sự sống đời sống của nó trong tâm trí người đọc, tác phẩm mới thực sự nhập vào đời sống thông qua người đọc.

=> Ý kiến đề cập đến vấn đề tiếp nhận văn học. Nó đề cao vai trò của chủ thể tiếp nhận là người đọc.

2. Bình luận

- Tác phẩm văn học là một văn bản ngôn từ. Nhưng đặc trưng của ngôn từ là tính mơ hồ đa nghĩa nên người ta gọi tác phẩm văn học là một "văn bản mở". "Văn bản mở" nghĩa là tác phẩm gồm hai phần: "phần cứng" là những con chữ bề mặt văn bản đang nằm im, "phần mềm" là hệ thống tư tưởng, ý nghĩa được xuất hiện trong quá trình tiếp nhận. Vì thế, cái gọi là "tác phẩm văn học" chỉ thực sự tồn tại khi nó biến thành cái "phần mềm"

kia, còn nếu không nó trở thành "quyển sách". Mà rõ ràng, ý muốn của nhà văn là truyền đến bạn đọc những lẽ sống của đời chứ không phải để bán sách.

- Ngay từ x-a, Heghen trong Triết học tinh thần đã yêu cầu việc xem xét tác phẩm trong hệ thống "tác giả — tác phẩm — người đọc" vì ông cho rằng sự tồn tại của tác phẩm chỉ tồn tại trong ba yếu tố quan hệ hữu cơ với nhau ấy thôi. Còn người Trung Quốc xưa, lại cho rằng tác phẩm tồn tại trong lòng của ng-ời tri kỉ chứ không trên trang giấy; vì thế việc viết văn là việc của tấm lòng. Chính vì thế, tác phẩm chỉ thực sự tồn tại khi người ta ý thức được về nó mà thôi. Người đọc là người cứu tác phẩm ra khỏi hầm mộ của sách, giúp nó sống lại và bước đi giữa cuộc đời và hồn người. Tác phẩm tái sinh trong lòng bạn đọc. Vì thế, mỗi tác phẩm là một tiếng mời gọi tha thiết tấm lòng bạn đọc đến với mình, tri âm với mình để mình có được một đời sống mới. Sức sống của tác phẩm không nằm ở lối ra lệnh của nhà binh hay truyền giáo của tu sĩ mà nằm ở trường nhìn, trường cảm của từng cá nhân đọc khác nhau.

- Tuy từng tư tưởng, kinh nghiệm, thẩm mĩ của mỗi độc giả mà tác phẩm có muôn ngàn cuộc sống khác nhau. Vì thế, tác phẩm vừa là nó, vừa chẳng là nó. Sự thú vị trong đa dạng tiếp nhận cũng chẳng kém sự thú vị trong đa dạng sáng tạo. Vì thế sức sáng tạo của nhà văn, qua bạn đọc cứ nhân lên đến vạn lần. Và thế là nghệ thuật có sự sống vĩnh hằng vì nghệ thuật có hai con đường: sáng tạo hay là chết.

3. Chứng minh

Thí sinh cần phải minh hoạ bằng các tác phẩm văn học mà mình nắm vững.

(Dưới đây là một vài ví dụ gợi ý)

- Đôn-ki-hô-tê: Người Tây Ban Nha gọi chàng là kẻ điên rồ, người Pháp gọi là chú hề đáng thương, đến chủ nghĩa lãng mạn gọi Đôn-ki-hô-tê là người anh hùng còn sót lại, chủ nghĩa hiện thực lại coi là biểu tượng của sự suy vi một thời phong kiến đã qua. Vậy rõ ràng, những môi trường văn hoá khác nhau tạo ra những "phạm trù hiểu" không cùng hướng. Ta coi tác phẩm như cái đài nhiều dải tần, ai thích nghe sóng nào thì nghe, nhưng phải bắt đúng dải sóng nếu không chỉ có tạp âm thôi. Vì thế, sự "đúng — sai" trong tác phẩm là quy luật nội tại tất yếu của văn học, nó chỉ thúc đẩy sự sống của tác phẩm trường tồn mà thôi. Vậy thì lịch sử văn học, xét đến cùng, là lịch sử tiếp nhận văn học.

- *Văn cảnh* của Hồ Chí Minh. Chữ "lưỡng" là từ chìa khoá để khai mở bài thơ.

Xuân Diệu coi "lưỡng" ở đây là hai sự vô tình khép kín một đời hoa, còn Trần Đình Sử coi "lưỡng" là phó từ, còn chủ ngữ hàm ẩn "quyết định nghĩa" bài thơ là người tù Hồ Chí Minh, tự trách mình vô tình. Thú vị nhất là Nguyễn Khắc Phi khi đưa ra quan niệm "lưỡng vô tình" là sự trôi chảy liên tục, bất biến của thời gian đã làm cho người tù bất bình.

- VV...

4. Đánh giá

- Khẳng định đây là một ý kiến đúng đắn, súc tích, chứa đựng những ý tưởng sắc sảo với hình thức diễn đạt gây ấn tượng. Nó đã chỉ ra được mối liên hệ thực tế giữa nghệ thuật và đời sống, giữa sáng tạo và tiếp nhận. Nó đề cập được vấn đề cốt lõi của vòng đời tác phẩm. Nó nhấn mạnh vai trò của người đọc tri âm và là người đồng sáng tạo, người quyết định đến đời sống thực sự của tác phẩm nghệ thuật.

- Tuy nhiên, không thể phủ định hoàn toàn rằng số phận tác phẩm nằm ngoài khả năng quyết định của tác giả. Sự sống của tác phẩm, trước hết phải do chính nó và người làm ra nó quyết định. Vấn đề được đặt ra với người cầm bút muốn viết lên những tác phẩm có giá trị thực sự để phút mà tác phẩm kết thúc cũng chính là lúc *sự sống* của nó bắt đầu (chứ không phải là *cuộc sống*) thì việc kết hợp giữa cái tài và cái tâm là luôn luôn cần thiết. Như Nguyễn Du đã từng nói: *Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*.

Đề 3:

Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc.

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến trên.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- Nhân vật văn học là khái niệm dung để chỉ hình tượng các cá thể con người trong tác phẩm văn học – cái đã được nhà văn nhận thức, tái tạo, thể hiện bằng các phương tiện riêng của nghệ thuật ngôn từ.

- *Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn*: nhà văn là người lao tâm khổ trí sáng tạo ra hình tượng nhân vật nhưng đó mới là hình tượng bằng chất liệu ngôn ngữ.

- *chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc*: người đọc mới là người biến hình tượng nhân vật ở dạng ngôn ngữ thành sinh thể trong tâm trí của mình.

=> Câu nói nêu lên vai trò của cả hai đối tượng là nhà văn và người đọc trong quá trình sáng tạo – tiếp nhận văn học, nhưng trọng tâm là đề cao vai trò của người đọc trong việc biến hình tượng từ những kí tự trên mặt giấy thành sinh thể tồn tại trong đời sống tinh thần của con người, của xã hội.

2. Bàn luận

- Hình tượng nhân vật do nhà văn sáng tạo ra trong tác phẩm chỉ là loại sản phẩm thuộc về tiềm năng. Người đọc mới là người quyết định biến hình tượng nhân vật từ thế tiềm năng trong ngôn ngữ, trên trang sách thành hình tượng sống động. Ví thế, hình tượng nhân vật chỉ thực sự sống như một sinh thể trong tâm trí và bằng tâm trí người đọc.

- Ý đồ của nhà văn chỉ là một khả năng tồn tại của hình tượng nhân vật trong tác phẩm. Mỗi người đọc, bằng nền tảng văn hóa, tâm lí, trình độ thụ cảm riêng lại tạo ra vô vàn khả năng khác, cách hiểu khác nhau, ý nghĩa khác nhau về hình tượng nhân vật.

3. Chứng minh

- Cần lựa chọn được một số hình tượng nhân vật tiêu biểu trong các tác phẩm văn học để phân tích làm sáng tỏ vai trò sáng tạo của nhà văn và giới hạn của hình tượng khi còn ở dạng ngôn ngữ.

- Khẳng định người đọc có vai trò tạo ra sự sống cho hình tượng nhân vật khi đọc tác phẩm. Phân tích được những nhân tố dẫn đến vai trò quyết định của người đọc đối với sự sống của hình tượng nhân vật.

- Gợi ý một số nhân vật:

+ Nhân vật Thúy Kiều – trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du

+ Nhân vật Chí Phèo – Nam Cao

+ Người vợ nhặt – *Vợ Nhặt* của Kim Lân

+ Đường Tăng - *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân

+ Đôn ki hô tê...

4. Đánh giá

- Đây là nhận định đúng đắn. Tuy nhiên không được coi thường những ý đồ tư tưởng của nhà văn. Trong đời sống lí luận văn học, câu nói —Tác giả đã chết— ý muốn đề cao vai trò của người đọc, nhưng —Tác giả muôn năm— vì tác giả là người sáng tạo ra hình tượng nhân vật. Mặt khác, bản thân nhân vật cũng có sức sống nội tại của mình.

- Việc đồng sáng tạo với nhà văn ở người đọc không có nghĩa là bình tán, suy diễn tùy tiện, gượng ép mà phải trên cơ sở hiểu được bản chất, quy luật sáng tạo nghệ thuật, xuất phát từ văn bản tác phẩm, từ hình tượng nhân vật.

- Câu nói có ý nghĩa dẫn dắt người đọc có thái độ tích cực trải nghiệm, tranh biện khi tiếp nhận tác phẩm văn chương nghệ thuật.

Đề 4:

Bình luận quan niệm của J.Paul. Sartre:

Tác phẩm văn học như con quay kì lạ, chỉ có thể xuất hiện trong vận động. Muốn làm cho nó xuất hiện, cần phải có một hoạt động cụ thể là sự đọc. Và tác phẩm văn học chỉ kéo dài chừng nào sự đọc còn có thể tiếp tục. Ngoài sự đọc ra, nó chỉ còn là những vệt đen trên giấy trắng.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- *Tác phẩm văn học như con quay kì lạ, chỉ có thể xuất hiện trong vận động.* Tác phẩm văn học không phải là cái hoàn tất cố định sau quá trình thai nghén của nhà văn mà luôn luôn vận động biến đổi như —con quay kì lạ. Tác phẩm chỉ hiện tồn —trong vận động. Vận động là điều kiện thiết yếu để tác phẩm có thể xuất hiện, là đời sống đích thực của tác phẩm.

- Muốn làm cho nó xuất hiện, cần phải có một hoạt động cụ thể là sự đọc. Và tác phẩm văn học chỉ kéo dài chừng nào sự đọc còn có thể tiếp tục. Ngoài sự đọc ra, nó chỉ còn là những vệt đen trên giấy trắng. Cơ chế cho sự vận động của văn bản nghệ thuật là —sự đọc—. Sự đọc có ý nghĩa sống còn đối với sức sống của tác phẩm. Không được đọc giả tiếp nhận, tác phẩm chỉ là những —vệt đen trên giấy trắng— —những con chữ vật lí vô cảm, vô hồn. Nghĩa là coi văn bản được nhà văn sáng tạo ra mới chỉ ở dạng —tiềm năng—. Sự đọc là máu để biến một thể xác vật chất (văn bản) thành một sinh thể có xúc cảm, có vui buồn, có trần trở.

=> Ý kiến của J.Paul.Sartre đề cập đến vấn đề tiếp nhận văn học. Ông quan niệm văn học là hoạt động giao tiếp, là một quá trình. Từ đó đề cao vai trò của chủ thể tiếp nhận là người đọc với đời sống văn học.

2. Bàn luận

- Quan niệm của Sartre là hoàn toàn có lí.

- Dễ dàng nhận thấy dấu ấn triết học hiện sinh trong nhận định này. Sự vật hiện tượng tồn tại trong thế giới ở hình thức cá thể, hiện thực với sinh hoạt hàng ngày. Cho nên, tác phẩm văn học là một sản phẩm tinh thần, được cụ thể bằng dạng vật chất (văn bản ngôn từ), cũng chỉ có ý nghĩa trong đời sống của nó – sự đọc. Được viết ra từ những ẩn ức của nhà văn nhưng đề hướng tới độc giả, nhân loại nói chung, tách khỏi sự đọc, tác phẩm chỉ là cái xác vô hồn.

- Quá trình văn học được tạo thành từ quá trình sáng tác (của nhà văn) và quá trình tiếp nhận (của người đọc). Nó có tính liên tục, quan hệ chặt chẽ, không tách rời bởi hạt nhân – văn bản. Trung tâm của quá trình văn học là văn bản. Nhà văn tạo ra văn bản đồng nghĩa với việc sáng tạo những tín hiệu thẩm mĩ, thực hiện quá trình kí mã (chuyển ngôn ngữ tự nhiên thành ngôn ngữ nghệ thuật). Đến lượt mình, độc giả thực hiện việc giải mã.

- Ý đồ của nhà văn chỉ là một khả năng tồn tại của tác phẩm. Mỗi người đọc, bằng nền tảng văn hóa, tâm lí, trình độ thụ cảm riêng lại tạo ra vô vàn khả năng khác cho văn bản. Xét ở góc độ này, văn bản có tính độc lập tương đối với nhà văn và bạn đọc. Cái trực của —con quay kì lạ— chính là những chỉ dẫn nghệ thuật thông qua hệ thống tín hiệu thẩm mĩ trong tác phẩm.

- Đời sống của tác phẩm không phải tính bằng thời gian nhà văn thai nghén ra nó. Có những sản phẩm nghệ thuật mới ra đời đã chết yểu và mãi mãi không phục sinh vì thiếu vắng độc giả. Lại có những tác phẩm cổ xưa vẫn dồi dào sức sống nhờ quá trình thụ cảm còn tiếp tục.

3. Chứng minh

Cần phải minh họa bằng các tác phẩm văn học phù hợp để bàn trúng yêu cầu của đề. (Dưới đây là một vài ví dụ gợi ý)

- Truyện Kiều của Nguyễn Du khai sinh cách đây mấy nghìn năm vẫn còn mời gọi khám phá, tạo ra biết bao cách cảm nhận và tranh luận khác nhau. Có thời, người ta đặt Truyện Kiều lên bàn cân tư tưởng phong kiến để đánh giá vị trí của tác phẩm.

Dùng quan điểm xã hội học, áp đặt những yếu tố bên ngoài để nhận xét mà không căn cứ vào ngôn từ, mọi nhận định cơ hồ đều đi vào phiến diện, bế tắc. GS Trần Đình Sử,

dựa trên cơ sở ngôn ngữ học, phân tích các tín hiệu thẩm mỹ đã rút ra những luận điểm chính xác về Thi pháp Truyện Kiều, gợi mở cho chúng ta thấy cách tiếp cận trực trự của —con quay kì lạ chính là ngôn từ nghệ thuật.

- Tính độc lập tương đối của văn bản khiến cho nhiều khi bạn đọc có thể phát hiện những nét mới ngoài ý đồ sáng tạo của nhà văn. Kim Lân từng bất ngờ khi trong kì thi ĐH, khối D, năm 2005, có một học sinh được điểm 10 khám phá ra một điều mà ông chưa bao giờ dụng công trong xây dựng phẩm chất anh cu Tràng (sự hiểu thảo với bà cụ Tứ). Người đọc từ một bộ mã mà nghệ sĩ đã kí gửi – văn bản có thể giải theo nhiều cách khác nhau, tạo ra những khả năng thụ cảm phong phú.

- Sáng tạo văn học đồng nghĩa với việc thiết kế những tín hiệu thẩm mỹ. Đó là những chỉ dẫn nghệ thuật người đọc dù tạo ra bao nhiêu khả năng cho tác phẩm vẫn phải tự phát từ trực quay này. Chẳng hạn, tín hiệu thẩm mỹ —mặt chữ điền (Đây thôn Vĩ Dạ - Hàn Mặc Tử) có thể hiểu là khuôn mặt của người con trai – tác giả hoặc khuôn mặt của người con gái soi qua trái tim nhớ thương da diết của thi sĩ. Dấu hiệu theo cách nào cũng cần đặt trong hệ thống – nghĩa là gắn với văn cảnh —Lá trúc che ngang mặt chữ điền để thấy được nét đẹp của con người Vĩ Dạ và niềm hoài mong đau đáu của Hàn Mặc Tử.

- Cặp hình tượng —non – nước ở —Thề non nước của Tản Đà mang tính đa nghĩa: vừa là hai vật thể thiên nhiên với qui luật muôn đời, vừa là người con trai và người con gái nhớ thương trong xa cách, vừa là đất nước bị cắt chia đầy xa xót nhưng tất cả đều mang một trạng thái cảm xúc chung.

4. Đánh giá

- Khẳng định ý nghĩa của sự đọc không có nghĩa phủ nhận vai trò của nhà văn và quá trình sáng tạo. —Con quay kì lạ dấu biến ảo, vận động về đâu cũng cần có một trực trự duy nhất để cân bằng. Ấy là những chỉ dẫn nghệ thuật, những tín hiệu thẩm mỹ mà nhà văn dày công xây dựng trong tác phẩm.

- Văn bản thì duy nhất nhưng tác phẩm xét ở chừng mực nhất định là bất tận. Tác phẩm có thể chỉ được tạo ra trong một khắc, nhưng sinh mệnh của nó là bất tử (đối với các kiệt tác). Độc giả chính là thước đo giá trị đích thực của một tác phẩm văn học. Quan niệm hiện sinh của J.Paul.Sartre xét cho cùng đã đạt đến bản chất tồn tại của tác phẩm văn học.

Đề 5:

Nhà lý luận văn học Trung Quốc Lưu Hiệp cho rằng: “Phàm việc làm văn thì nội tâm có bị xúc cảm lời nói mới phát ra. Nhưng người xem văn thì (ngược lại): trước xem lời văn rồi sau mới vào nội tâm tác giả. Nếu ta cứ theo sóng đi ngược lên tìm nguồn thì dù vẫn có kín đáo cũng sáng rõ. Đời xa không ai thấy mặt nhà văn, nhưng xem văn liền thấy tiếng lòng của họ”.

(Văn tâm điêu long/ thiên Tri âm; NXB Văn học; H; 1999; trang 274)

Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một số tác phẩm văn học tiêu biểu.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích:

- *Làm văn và xem văn*. Thực chất là hai quá trình quan trọng của đời sống văn học: quá trình sáng tạo và tiếp nhận văn học. ở đó khái niệm —văn— tức là tác phẩm văn học là trung tâm. Làm văn là quá trình của người sáng tác, nhà văn. Xem văn là quá trình tiếp nhận của người đọc.

- *Người làm văn thì xúc cảm lời nói mới phát ra*: Nội dung của tác phẩm văn chương là nội dung cảm xúc, nhất là thơ. Người làm thơ có xúc động, cảm xúc thì lời nói mới phát ra. Văn bản văn học là sự thể hiện tình cảm, tư tưởng của người nghệ sĩ trên mặt giấy. Cảm xúc trong thơ phải mãnh liệt, tràn đầy. Rất nhiều người đề cao vai trò của cảm xúc với việc làm văn. *Thơ phát khởi phát từ lòng người, Hãy xúc động hồn thơ cho ngòi bút có thần...*

- *Ngược lại, người xem văn*, trước xem ngôn ngữ, rồi hiểu người; rồi mới tìm nguồn để thấy tiếng lòng của người làm văn. Quy trình của tiếp nhận: trước phải xem văn. Nghĩa là phải xuất phát từ văn bản ngôn từ; ngôn ngữ là cái lớp rào cản đầu tiên khi tiếp xúc văn bản văn học. Văn bản văn học gồm thế giới hình tượng và các lớp nội dung ý nghĩa được ẩn tàng bên trong văn bản ngôn từ. Không thể hiểu văn nếu không giải mã văn bản ngôn từ. Đó là hệ thống kí hiệu được mã hóa để chuyển tải thông điệp thẩm mĩ của người làm văn, nghệ sĩ ngôn từ. Xúc cảm trước cuộc đời, trước số phận con người được nghệ sĩ thể hiện kín đáo trong trang văn, sau văn. Nội dung cảm xúc của tác phẩm văn học ít khi phơi lộ trên bề mặt của văn bản ngôn từ ngôn từ, mà thường được gửi gắm kín đáo đằng sau câu chữ. Người xem văn phải biết rẽ sóng tìm nguồn, làm hành trình ngược dòng văn sẽ bắt gặp tiếng lòng tác giả:

Đời xa không ai thấy mặt nhà văn, nhưng xem văn liền thấy tiếng lòng của họ.

- Phải thấy có khi rẽ sóng mà không thấy nguồn, không tìm được mặt thi nhân. Nhưng nếu thực sự rung động, sống hết mình với tác phẩm, chắc chắn người xem văn sẽ bắt gặp phần nào tiếng lòng của họ. Tri âm hoàn toàn là điều lí tưởng, là mong ước, nhưng khó thay: *“Bách niên ca tự khổ / Vị kiến hữu tri âm”*. (Tự làm khổ cả trăm năm vì thơ / Mà vẫn chưa thấy có người hiểu mình). Khó nhưng không phải không có. Chuyện Bá Nha Tử Kỳ đâu chỉ là chuyện đời xưa. Đó là câu chuyện của muôn đời về tri kỉ tri âm. Trần Phồn và điển chiếc giường cũng là nói chuyện ấy. Mất xanh cũng là điển chỉ sự thấu hiểu nhau của những người tri kỉ. Tô Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên và cả dân tộc thấu hiểu nỗi lòng Nguyễn Du? Thanh Thảo tri âm với nghệ sĩ cách ngàn trùng cây số? Những tấm lòng đồng cảm vượt không gian và thời gian.

=> Ý kiến của Lưu Hiệp thật đúng đắn và xác đáng khi bàn về quá trình sáng tạo của nhà văn và quá trình tiếp nhận của người đọc.

2. Chứng minh

Chọn một số tác phẩm tiêu biểu, phân tích để làm sáng tỏ hai vấn đề lời nhận định đề cập đến là làm văn và xem văn:

+ Độc Tiểu Thanh kí – Nguyễn Du

+ Đàn ghi ta của Lor ca – Thanh Thảo

+ Chiếc thuyền ngoài xa – Nguyễn Minh Châu

+... 3. Đánh giá

- Ý kiến đúng đắn, xác đáng, thể hiện cái nhìn sâu sắc của nhà lí luận văn học

Lưu Hiệp.

- Tuy nhiên, phải thấy cái gốc của văn chương là tình cảm, cảm xúc. Vì thế, để sáng tạo nên một tác phẩm văn học chân chính, nhà văn phải có tầm vóc tư tưởng, tình cảm lớn.

- Trong quá trình tiếp nhận, người đọc cần —lấy hồn tôi để hiểu hồn người, có con mắt xanh để tri âm nhưng bên cạnh đó cần có trình độ thẩm thấu văn chương mới hiểu được hết giá trị của văn chương.

Đề 6:

Mọi tác phẩm dù được sáng tạo theo một thi pháp nào cũng mở ra theo các cách đọc. Mỗi cách đọc mang đến cho tác phẩm một đời sống mới.

Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một số tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn THPT.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- *Tác phẩm văn học* là công trình nghệ thuật ngôn từ do một cá nhân hoặc một tập thể sáng tạo nhằm thể hiện những khái quát về cuộc sống, con người; biểu hiện tâm tư, tình cảm, thái độ ...của chủ thể trước thực tại bằng hình tượng nghệ thuật.

- *Thi pháp* có hai cách hiểu. Thứ nhất, đó là các nguyên tắc, biện pháp chung để làm cho một văn bản trở thành một tác phẩm nghệ thuật. Thứ hai, thi pháp là các nguyên tắc, biện pháp nghệ thuật cụ thể để tạo nên giá trị đặc sắc của một tác phẩm, tác giả, trào lưu.

- *Cách đọc*: là cách tiếp nhận văn học của người đọc, người đọc dùng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống và cả tâm hồn của mình để chiếm lĩnh giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm văn chương.

=> Ý kiến khẳng định: bất cứ tác phẩm nào cũng là tác phẩm mở cho các sự đọc, các người đọc khác nhau. Tác phẩm *sinh ra* từ ý thức (tâm lý) người viết và *sống dậy* trong tâm lý (ý thức) người đọc. Sức sống của tác phẩm nằm ở trường nhìn, trường cảm của từng cá nhân đọc khác nhau.

2. Bình luận

- Ý kiến đúng đắn và xác đáng

- Tác phẩm văn học là một văn bản ngôn từ. Nhưng đặc trưng của ngôn từ là tính mở hồ đa nghĩa nên người ta gọi tác phẩm văn học là một "văn bản mở". "Văn bản mở" nghĩa là tác phẩm gồm hai phần: "phần cứng" là những con chữ bề mặt văn bản đang nằm im, "phần mềm" là hệ thống tư tưởng, ý nghĩa được xuất hiện trong quá trình tiếp nhận. Từ xưa Phương Đông đã có mệnh đề: *Thi tại ngôn ngoại* và *văn hữu dư ba*. Cái phần *ngôn ngoại* và *dư ba* này không tồn tại trên văn bản mà do ngữ cảnh tạo ra trong tưởng tượng

và cảm xúc của người đọc. Vì thế, cái gọi là "tác phẩm văn học" chỉ thực sự tồn tại khi nó biến thành cái "phần mềm" kia, còn nếu không nó trở thành "quyển sách chết".

- Ng-êi Trung Quèc x-a cho r»ng t,c phÈm t»n t»i trong l»ng c»a ng-êi tri kØ chø kh«ng tr»n trang giÊy; v» thÕ viÖc viÖt v»n l»p viÖc c»a tÊm l»ng. Chính vì thế, tác phẩm chỉ thực sự tồn tại khi người ta ý thức được về nó mà thôi. Người đọc là người cứu tác phẩm ra khỏi hầm mộ của sách, giúp nó sống lại và bước đi giữa cuộc đời và hồn người. Tác phẩm tái sinh trong lòng bạn đọc. Tùy từng tư tưởng, kinh nghiệm, thẩm mỹ của mỗi độc giả mà tác phẩm có muôn ngàn cuộc sống khác nhau. Vì thế, tác phẩm vừa là nó, vừa chẳng là nó. Sự thú vị trong đa dạng tiếp nhận cũng chẳng kém sự thú vị trong đa dạng sáng tạo. Vì thế sức sáng tạo của nhà văn, qua bạn đọc cứ nhân lên đến vạn lần. Và thế là nghệ thuật có sự sống vĩnh hằng vì nghệ thuật có hai con đường: sáng tạo hay là chết.

- Vai trò của người đọc là rất quan trọng đối với sức sống của một tác phẩm song cho rằng phải có nó mới có TPVH thì đó là một lập luận khiên cưỡng. Văn bản tác phẩm có thể tạo ra các dị bản khác nhau trong tiếp nhận của người đọc song, đó là các *dị bản tiếp nhận từ một văn bản ổn định duy nhất là tác phẩm văn học*. Cũng như mọi giao tiếp ngôn ngữ, giao tiếp ngôn ngữ nghệ thuật qua tác phẩm văn học bao gồm khâu *phát ngôn* của tác giả thành ra *diễn ngôn* của tác phẩm rồi đi vào *tiếp nhận* diễn ngôn đó của độc giả. Đây là quá trình tâm lý có sự đồng nhất, thống nhất mà cũng có sự sai biệt, mâu thuẫn. Chính điều này tạo ra cái mà chúng ta gọi là sức sống của tác phẩm văn học trong đời sống xã hội vô cùng phong phú, phức tạp, đa dạng giữa các nhà văn, nhà thơ – các tác giả với công chúng người đọc, người phê bình văn học.

3. Chứng minh

Chọn một số tác phẩm tiêu biểu, phù hợp phân tích để làm sáng tỏ ý kiến

(Dưới đây là một vài gợi ý)

- *Truyện Kiều* của Nguyễn Du

+ Nguyễn Công Trứ coi Kiều là kẻ tà dân, không đáng nhận sự thương xót.

Dưới cái nhìn khắt khe của lễ giáo phong kiến ông viết:

*Bạc mệnh chẳng làm người tiết
nghĩa,
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dân.*

+ Hoài Thanh: *Truyện Kiều* là tiếng nói đau đớn, hiểu đời của một trái tim lớn.

+ Tô Hữu : *Truyện Kiều* kết tinh của lời non nước, tiếng ru, tiếng thương có sức vọng đến ngàn đời.

+...

- Bài thơ: *Lặng lẽ đêm* của Y Phương:

Trên đầu ta

Trắng khe khẽ sáng

Sương khe khẽ lắng

Mây khe khẽ trôi

Dưới lưng ta

Chiều khe khẽ thở

Trong ngực ta

Khe khẽ NGƯỜI.

=> Khi đọc bài thơ, có người đã dựa vào điệp từ —khe khẽ— lặp lại năm lần để coi đó là nhân tự, là phép ẩn dụ về sức sống nhỏ nhoi, yếu ớt, thoi thóp của sự vật. Bài thơ vẽ nên một bức tranh trắng, sơn mây. Đọc kĩ bài thơ nhiều người lại cho rằng, danh từ —NGƯỜI— mới là nhân tự làm bừng sáng bài thơ, bởi với chữ người ấy ta nhận ra một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm đến vô cùng để cảm nhận bức tranh đa chiều với vẻ đẹp của trắng, sương, mây, sự vận động của sự vật lặng lẽ, khe khẽ, nhưng trong trái tim lại là sự sống tiềm ẩn mạnh mẽ.

- Đôn-ki-hô-tê: Người Tây Ban Nha gọi chàng là kẻ điên rồ, người Pháp gọi là chú hề đáng thương, đến chủ nghĩa lãng mạn gọi Đôn-ki-hô-tê là người anh hùng còn sót lại, chủ nghĩa hiện thực lại coi là biểu tượng của sự suy vi một thời phong kiến đã qua.

4. Đánh giá

- Sức sống của tác phẩm văn chương không chỉ tạo nên bởi quá trình tiếp nhận mà còn ở sức sống nội tại của tác phẩm do người nghệ sĩ tạo ra.

- Người nghệ sĩ cần sáng tạo nên những tác phẩm văn chương chân chính, một tác phẩm văn chương giống như —tảng băng trôi— để tạo nên sức hấp dẫn, đánh thức niềm khát khao khám phá của người đọc.

- Bạn đọc không nên suy diễn tùy tiện, phải bắt nguồn từ văn bản. Phải thấy, khi đọc một văn bản văn học, người đọc đã thực hiện một quá trình kép: vừa sáng tạo ra tác phẩm vừa kiến tạo nên con người mình.

Đề 7:

Có ý kiến cho rằng: *Tiếp nhận văn học đòi hỏi người đọc sống với tác phẩm bằng toàn bộ tâm hồn mình để cảm nhận bức thông điệp thẩm mỹ mà tác giả gửi đến người đọc.*

Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- Văn học là tiếng nói tư tưởng, tình cảm, suy nghĩ của nhà văn trước cuộc đời. - Nói đến tác phẩm văn học là nói đến câu chuyện của tâm hồn (tình cảm, ước mong sâu kín của nhà văn nhắn gửi với bức thông điệp thẩm mỹ), là điệu hồn tác giả đi tìm điệu hồn độc giả. Vì vậy tiếp nhận văn học đòi hỏi người đọc sống với tác phẩm bằng toàn bộ tâm hồn mình để cảm nhận bức thông điệp thẩm mỹ mà tác giả gửi đến người đọc.

- Bức thông điệp thâm mĩ: Là tình cảm, tâm hồn, ước mong sâu kín của tác giả gửi đến người đọc thông qua hình tượng nghệ thuật.

2. Bàn luận

- Ý kiến đúng đắn và xác đáng.

- Xuất phát từ đặc trưng của văn học. Bản chất của văn học là sự sáng tạo.

Người nghệ sĩ khai thác cuộc sống, nhưng cuộc sống ấy đi vào mỗi trang văn, trang thơ lại mang một dấu ấn riêng. Thơ văn là một thế giới thuộc về phần tâm hồn của người nghệ sĩ, nó là những biến thái tinh vi của tình cảm, là khát khao hạnh phúc, là những ước vọng lớn lao v.v... Văn học là sự phản ánh cuộc sống thông qua chủ thể nhà văn, nhà thơ nên mỗi tác phẩm bao giờ cũng thể hiện tư tưởng tình cảm, gửi gắm những thông điệp của tác giả...

- Tại sao tiếp nhận văn học đòi hỏi người đọc phải sống với tác phẩm bằng toàn bộ tâm hồn mình? Bởi chỉ khi nhập vào thế giới hình tượng trong tác phẩm, chỉ khi để trái tim rung lên theo những nhịp sống trong tác phẩm, ta mới cảm nhận được những buồn vui trần trở, khát vọng của nhà văn; mới thấy được những số phận, cảnh đời, mới hiểu được giá trị thật sự của tác phẩm văn học đó.

3. Chứng minh

Chọn một số tác phẩm tiêu biểu, phù hợp phân tích để làm sáng tỏ ý kiến

(Dưới đây là một vài gợi ý)

- Truyện Kiều – Nguyễn Du: Nhận ra số phận đau khổ của kiếp hồng nhan bạc mệnh; sự tác oai, tác quái của xã hội đồng tiền đã vùi dập, chà đạp tình yêu, hạnh phúc, quyền sống và nhân phẩm cao đẹp của con người. Nhận ra nỗi đau đứt ruột của nhà nhân đạo lớn, tài năng kiệt xuất của Đại thi hào dân tộc.

- Vội vàng – Xuân Diệu: Có người nông nổi cho rằng bài thơ là lời giục giã cho cách sống hưởng thụ, gấp gáp nhưng ta nhận thấy bức thông điệp thâm mĩ Xuân

Diệu muốn gửi đến bạn đọc là lòng yêu đời, yêu sống đến cuồng nhiệt, là sự thức gọi mỗi người hãy sống sao cho xứng đáng để không bao giờ phải nuối tiếc, xót xa vì những ngày tháng đã sống hoài, sống phí.

- Tống biệt hành – Thâm Tâm: Có người cho Li Khách là người không lò không tim, sẵn sàng coi người thân như hư vô, nhỏ bé để mạnh bước trên đường thực hiện lí tưởng. Nhưng thực ra, đằng sau dáng vẻ kiên quyết, dứt khoát của li khách ta nhận ra nỗi buồn thương day dứt —Ta biết người buồn chiều hôm trước... Ta biết người buồn sáng hôm nay. Mặc dù thế, anh vẫn đi theo tiếng gọi của —chí nhơn. Để an ủi người ở lại, anh mong mỗi người thân hãy coi mình như hạt bụi, như lá rơi, như hơi rượu tan biến vào hư vô. Đó là vẻ đẹp thực sự của li khách - dáng vẻ của dũng khí và tâm hồn nồng ấm rất con người.

- Bước vào trang văn của nhà văn Mĩ Ô – hen – ri, mấy ai trong chúng ta không khỏi bồi hồi xúc động trước cảnh ngộ của cô họa sĩ trẻ Giôn – xi, phải từng ngày từng giờ bám lấy sự sống bằng một tia hi vọng mong manh – —chiếc lá cuối cùng. Nhưng bằng trái tim giàu lòng yêu thương đồng loại, cụ Bơ – men đã hi sinh cuộc đời mình để cứu rỗi một linh

hồn đang dần lụi tàn trong một thân xác yếu ớt, tưởng chừng như không giờ cứu chữa được. Kiệt tác cuối đời của cụ - —chiếc lá cuối cùng— chính là bức thông điệp màu xanh mà nhà văn Ô – hen – ri muốn đem đến cho bạn đọc: Hãy sống và yêu thương, xã hội luôn cần tình yêu và lòng nhân đạo cao cả. Bởi tình yêu thương sẽ cứu sống muôn triệu trái tim khổ đau bất hạnh trên cõi đời này.

- vv...

4. Đánh giá

- Đây là ý kiến sâu sắc và đúng đắn cho người tiếp nhận để có thể cảm nhận được chiều sâu tư tưởng thẩm mỹ của tác phẩm văn chương – hay nói cách khác là phần chìm của —tảng băng trôi— nghệ thuật.

- Bài học sáng tạo và tiếp nhận: Nhà văn cần thấy vai trò và trách nhiệm khi sáng tạo văn học nghệ thuật. Viết những tác phẩm bằng tâm huyết và tài năng của mình. Bạn đọc cần có sự tri âm, đồng cảm với tác phẩm, với nhà thơ, nhà văn để có thể sẻ chia những tình cảm đồng điệu. Khi ấy, bạn đọc vừa cảm thụ được vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật, vừa kiến tạo nên con người mình.

Đề 8:

Mi-lan Kan-de-ra khẳng định:

Khi đặt bút viết một tác phẩm, nhà văn thường tìm hiểu và đặt ra rất nhiều câu hỏi. Chiều sâu của tác phẩm thể hiện ở khả năng đặt ra câu hỏi về mọi vấn đề trong xã hội. Chính người đọc sẽ tìm được câu trả lời chính xác theo cách riêng của mình.

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến trên.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- Trong nhận định của Mi-lan, kết quả về sự tìm hiểu thực tế của nhà văn là câu hỏi và chính điều này tạo ra chiều sâu cho tác phẩm. Nó cho thấy tác giả phẩm văn học không phản ánh hời hợt, dễ dãi ở bề mặt cuộc sống mà thực sự là những kiếm tìm, những trải nghiệm, những suy tư về hiện thực.

- Trên cơ sở những câu hỏi đó của nhà văn, người đọc sẽ tìm ra câu trả lời của riêng mình. Đó là cách thức, là con đường mà tác phẩm đi vào trong đời sống, trong tiếp nhận của người đọc.

=> Ý kiến đề cập đến phương thức nhận thức hiện thực độc đáo của văn học – nhận thức thông qua việc đặt câu hỏi. Chỉ ra sự tương tác của nhà văn, tác phẩm và người đọc. Nhà văn không thay người đọc để đưa ra câu trả lời, nhà văn chỉ là người đặt câu hỏi và người đọc sẽ hoàn tất câu trả lời. Đó là tinh chất cơ bản của tiếp nhận văn học.

2. Bình luận và chứng minh

a. Tại sao việc đặt ra câu hỏi lại quyết định chiều sâu của một tác phẩm văn học khi nó phản ánh hiện thực?

* Vì tìm hiểu thực tế đời sống thực chất là một quá trình với nhiều chặng khác nhau:

- Ở chặng thứ nhất, nhà văn thâm nhập thực tế và ghi nhận những sự kiện: *Dẫn chứng*: (Nam Cao ghi nhận sự kiện người nông dân bị bần cùng hóa (Lão Hạc), họ bị bứt ra khỏi làng xã quen thuộc, bị vứt vào những vùng đồn điền (con trai Lão Hạc), bởi nếu không rời bỏ xã hội làng xã họ sẽ phải sống cô độc như Lão Hạc, phải mất con, bán chó và chết thê thảm. Nam Cao còn ghi lại sự tha hóa của người nông dân về nhân phẩm (Chí Phèo). Những sự kiện không phải ngẫu nhiên, đơn lẻ như: chết vì miếng ăn, vì cái đói, sự lưu manh hóa trở đi trở lại trong các tác phẩm của ông như một quy luật tàn nhẫn.)

- Ghi lại những sự kiện đó, truy tìm nguyên nhân của những sự kiện đó.

+ *Dẫn chứng 1*: (Ở điểm kết thúc tác phẩm của Nam Cao đầy ắp những câu hỏi. Có những câu hỏi trực tiếp: Thế lực nào đã đẻ ra Chí Phèo? Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho hết những vết sẹo trên gương mặt này? (Chí Phèo). Có những câu hỏi gián tiếp toát ra từ toàn bộ thế giới hình tượng của tác phẩm. Vì sao Chí lại đánh đổi mạng sống để làm người lương thiện? Vì sao nhân vật của Nam Cao lại nhiều nước mắt đến thế... Những câu hỏi như thế dẫn chúng ta vào tầng vĩa khác nhau của đời sống hiện thực. Đó chắc chắn là những câu hỏi đã từng tra vấn nội tâm Nam Cao một cách căng thẳng. Chính những câu hỏi như thế làm nên chiều sâu của tác phẩm.)

+ *Dẫn chứng 2*: Hành trình của Nguyễn Minh Châu viết về số phận của người đàn bà hàng chài cũng đặt ra những câu hỏi tương tự; Vì sao người đàn bà có thể chấp nhận một cuộc sống như thời trung cổ đến thế? Tại sao cuộc sống đã hòa bình mà con người vẫn khổ như vậy? Người chồng vũ phu là đáng giận hay đáng thương?

=> Rõ ràng những câu hỏi trực tiếp hoặc gián tiếp trong tác phẩm văn học là cách thức mà nhà văn khoan sâu vào những tầng vĩa trong cuộc sống, là con đường để nhà văn nhận thức, suy tư về bản chất của hiện thực. Những tác phẩm lớn, các câu hỏi đặt ra không chỉ có ý nghĩa với đương thời mà còn có ý nghĩa với muôn đời, gắn với nhiều thời đại, phổ quát cho cả loài người.

* Bằng cách nào nhà văn có năng lực đặt ra những câu hỏi như thế? Nhà văn phải đi rất sâu vào hiện thực, thậm chí phải đi qua những cảnh ngộ rất thơ mộng, đẹp đẽ như một tấm sương mù (Phùng – *Chiếc thuyền ngoài xa*, Nguyễn Minh Châu), hoặc là phải trải qua một quá trình nhận thức (Ông giáo – *Lão Hạc*). Quan trọng hơn, nhà văn phải có một tấm lòng luôn nhạy bén để thấu hiểu và cảm nhận bi kịch của con người.

b. Tại sao việc người đọc trả lời câu hỏi được nhà văn đặt ra trong tác phẩm

lại là điều quan trọng?

- Tác phẩm văn học là một không gian không phải chỉ có tiếng nói duy nhất của tác giả. Tác phẩm văn học là không gian đối thoại của tác giả với độc giả. Chính việc đưa ra những câu trả lời khiến người đọc tham dự một cách tích cực vào tác phẩm. Để đưa ra những câu trả lời thì người đọc cần đến kinh nghiệm sống, và vì thế người đọc đem lại cho tác phẩm những ý nghĩa mới, nhờ đó tác phẩm không ngừng được bổ sung, sáng tạo, được tiếp thêm sức sống. (Biện giải cho từng cách hiểu: Ai đẻ ra Chí Phèo? Người đàn bà hàng chài đáng thương hay đáng trách?...)

- Ở mỗi thời đại khác nhau người ta quan tâm đến những câu hỏi khác nhau? Với tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao, có thời kì người ta quan tâm đến câu hỏi: Ai cho tao lương thiện? Có thời đại lại quan tâm đến câu hỏi: Làm thế nào cho mất đi những vết sẹo trên gương mặt này?

- Những câu hỏi của tác phẩm có trực tiếp và gián tiếp, câu hỏi trực tiếp là do nhà văn đưa ra, còn câu hỏi gián tiếp là do phần lớn người đọc đặt ra và chính người đọc sẽ tìm câu trả lời cho mình.

3. Đánh giá

- Trong nhận định của mình, Ku-de-ra nói tác phẩm có thể đặt ra câu hỏi về mọi lĩnh vực trong cuộc sống. Điều đó đúng nhưng có lẽ những câu hỏi có ý nghĩa nhất mà văn học đem đến cho con người là những câu hỏi phản biện về những điều còn tồn tại trong xã hội, những câu hỏi tự vấn về chính mình... Nhờ những câu hỏi ấy mà văn học có sức thanh lọc, nâng đỡ tâm hồn con người.

- Bài học sáng tạo và tiếp nhận...

Đề 9:

Đối thoại với văn chương, Cao Bá Quát nói: “Xưa nay, nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình, mà cái khó ở đời không gì bằng sự gặp gỡ”.

(Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 2, tr 188 – NXB giáo dục năm 2008)

Phát biểu những suy nghĩ của mình về nhận định trên. Phân tích một số tác phẩm mà ng-ò-i nghệ sĩ đã khổ vì “chữ tình” để đạt tới sự “gặp gỡ” mà anh (chị) hiểu sâu sắc nhất.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Bài viết của thí sinh phải giải quyết tốt hai yêu cầu kiến thức cơ bản:

+ Yêu cầu thứ nhất là trình bày suy nghĩ của mình về nhận định.

+ Yêu cầu thứ hai là làm sáng tỏ nhận định ấy qua những tác phẩm người nghệ sĩ đã khổ vì —**chữ tình**— để đạt tới sự —**gặp gỡ**—. 2. Với yêu cầu thứ nhất, cần làm nổi rõ các ý sau:

- Nhận định trên nêu lên một quy luật có tính chất phổ quát muôn đời. Trước hết cần hiểu rõ —**nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình**—. Chữ —**tình**— ở đây chính là tình cảm, cảm xúc đối với đồng loại, nhân dân, đất nước và cũng là tình cảm của chính người nghệ sĩ mang thiên chức —**nhân đạo từ trong cốt tuỷ**— (nói như Sê – Khốp).

- Nỗi khổ không chỉ là đơn giản là chuyện sướng khổ theo nghĩa thông thường trên đời mà —**khổ**— chính là nhà văn bằng thiên chức của mình đã cảm thông sâu sắc đến tận cùng mọi buồn vui sướng khổ của nhân loại nói chung, nhân dân mình, dân tộc mình nói riêng. Họ có thể đau đớn, vật vã giằng co đến chảy máu trước cảnh ngộ thân phận xót xa

của người khác. Cũng có thể reo lên sung sướng trước niềm vui dù là nhỏ nhoi của con người.

- Như thế nỗi khổ lớn nhất xưa nay của người nghệ sĩ hoá ra lại là chuyện cảm thông chia sẻ, tri ân trước mọi cung bậc của tình cảm con người. Để nói lên được tất cả tình cảm ấy, người nghệ sĩ phải sống với cuộc đời, sống với con người, phải mở lòng đón nhận mọi vang động của cuộc đời. Và để có được sức cảm thông đó, người nghệ sĩ phải dần thân, phải tự nguyện, nói như nhà văn Lỗ Tấn thì đại ý: Tôi ăn lá ăn cỏ để vắt ra là sữa nuôi người đạt được trình độ ấy thì nỗi khổ lớn nhất lại là niềm hạnh phúc nhất.

- —**Cái khó ở trên đời không gì bằng sự gặp gỡ**. Thực chất đây là sự giao tiếp giữa tác giả và người tiếp nhận, là mối quan hệ giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc, người bày tỏ và người chia sẻ cảm thông. Người viết bao giờ cũng mong mỗi người đọc hiểu mình, cảm nhận được điều mình muốn gửi gắm kín đáo. —**gặp gỡ** chính là sự đồng điệu hoà hợp của những tâm hồn. ở mức độ thống nhất cao thì đó là đồng cảm xúc của người đọc.

Hiểu như vậy thì cái —**khó** lại là sự thành công sự tuyệt mỹ của tác phẩm. Tác phẩm chỉ thật sự có giá trị khi được đông đảo bạn đọc đón nhận tìm thấy mình ở trong đó.

- Mối quan hệ giữa cái —**khổ** và cái —**khó** của người nghệ sĩ chính là mối quan hệ giữa quá trình người nghệ sĩ sống, chiêm nghiệm, hoá thân trong cuộc sống dài để phản ánh chân thật những cảm xúc những suy tư, những trăn trở, niềm đau khổ vô cùng và hạnh phúc vô cùng của con người và truyền thông cho được tình cảm ấy đến với bạn đọc. Sự đón chờ, tiếp nhận hồ hởi của bạn đọc là tiêu chuẩn khắt khe nhất, nghiêm túc nhất đối với sự trường cửu của tác phẩm văn chương. Người nghệ sĩ nào làm được sứ mệnh ấy là nghệ sĩ lớn, tác phẩm nào đạt được sự hoà hợp ấy là tác phẩm bất hủ không sợ thời gian.

2. Yêu cầu thứ hai, cần làm tốt các ý sau:

- Khi làm sáng tỏ nhận định phải cân nhắc lựa chọn những tác phẩm thật sự có giá trị của những nghệ sĩ thực sự vĩ đại hoặc uy tín.

- Khi phân tích cụ thể phải chỉ ra được chỗ nhà văn —**lao tâm khổ tứ** cảm thông vô cùng với tình cảm con người, nói hộ cho tâm sự nỗi niềm con người để sản phẩm tinh thần của họ được bạn đọc đón nhận.

- ở góc độ tiếp nhận của người đọc, cũng phải chỉ rõ được người đọc đã cảm thông, giao thoa đồng cảnh ngộ với người nghệ sĩ sâu sắc ở điểm nào, những tình cảm gì. Nói cách khác, sợi tơ lòng kết dính người nghệ sĩ và bạn đọc là ở cách nhìn và tình cảm nào.

- Khi phân tích minh hoạ, đề có phần nghiêng về tư tưởng tình cảm nhưng không vì thế mà xem nhẹ yếu tố hình thức, nghệ thuật của tác phẩm. Phải xem nội dung tốt, hình thức lại chuẩn mực thì đó là tác phẩm hoàn hảo.

- Phân tích minh họa phải tuân theo một trình tự hợp lý, có thể mở rộng phạm vi tác phẩm minh họa qua mọi thời đại, mọi quốc gia miễn là người viết nói đúng, nói trúng vấn đề cần hiểu rõ và làm rõ.

Đề 10:

Phải chăng, tiếng nói tri âm là khát vọng muôn đời của văn chương xưa nay?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Vấn đề tiếng nói tri âm trong văn chương.

a. Khái niệm

Tri âm được hiểu là sự đồng điệu, thấu cảm. *“Xưa nay nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình, mà cái khó ở đời không gì bằng sự gặp gỡ.”* (Hoa tiên truyện tự - Cao Bá Quát).

b. Luận giải về tiếng nói tri âm trong văn học.

- Sự tri âm giữa người đọc và người viết trước hết được bắt nguồn từ quy luật của sáng tạo nghệ thuật. Người nghệ sĩ cầm bút là để giải bày lòng mình. Nhà thơ mang —tiếng nói điệu đồng đi tìm những tâm hồn đồng điệu. Nhà văn viết tác phẩm như ban phát phần thông vàng đi khắp nơi, mong có người theo phần tìm về. Cho nên bạn đọc là một mắt xích không thể thiếu trong chu trình sáng tác - tiếp nhận tác phẩm. Bạn đọc cũng có suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc, có niềm vui và nỗi buồn, có cảnh ngộ và tâm trạng, nhiều khi bắt gặp sự đồng điệu với nhà văn, nhà thơ. Khi hai luồng sóng tâm tình ấy giao hoà thì tác phẩm sẽ rực sáng lên, trở thành nhịp cầu nối liền tâm hồn với tâm hồn, trái tim với trái tim. Phải chăng vì thế Lưu Quý Kỳ viết: *“nhà thơ gói tâm tình của mình trong thơ. Người đọc mở ra bỗng thấy tâm tình của chính mình”*.

- Xét về đối tượng phản ánh của văn học: Những cuộc đời bi kịch, đau thương, những số phận ngang trái thường dễ khơi gợi cảm xúc đồng cảm xót thương của con người, nhất là những người nghệ sĩ (quy luật của cuộc sống: con người nhạy cảm, quan tâm nhiều hơn trước nỗi buồn hơn là niềm vui, trước bất hạnh hơn là hạnh phúc, trước mất mát, thiệt thòi hơn là được, may mắn). Tiểu Thanh, Nguyễn Du, Lorca đã đi vào trong thơ của Nguyễn Du, Tố Hữu, Thanh Thảo bởi họ có chung số phận ấy.

Tri âm còn là tìm đến cái đẹp để ngưỡng mộ, ngợi ca. Bản thân cái đẹp có sức chinh phục lớn lao với những người nghệ sĩ. Cái đẹp có từ trong cuộc đời nhân cách của con người, cái đẹp còn có trong giá trị của tác phẩm nghệ thuật. Trong cảm xúc của các nhà thơ sự cảm thông, xót thương phải đi liền với sự ngợi ca, ngưỡng mộ, tôn vinh. Qua các tác phẩm thơ chúng ta thấy Nguyễn Du, Tố Hữu, Thanh Thảo luôn muốn lưu giữ lại với muôn đời những vẻ đẹp mà đối tượng tri âm của họ sở hữu - Trên cơ sở lí luận tiếp nhận văn học:

+ Khi nhà văn kết thúc trang viết cuối cùng của tác phẩm, thì lúc đó tác phẩm mới bắt đầu vòng đời của nó. Nói các khác quá trình hoạt động của tác phẩm không phải là

một chu trình đóng kín, mà nó mở ra về phía đời sống. Và đối với những tác phẩm lớn thì cuộc đời của nó luôn luôn ẩn chứa những khả năng mới sẽ bộc lộ khi nó viễn du qua không gian và thời gian. Và khi đó sức sống của tác phẩm văn chương sẽ được bắt tử hoá trong sợi dây tri âm linh diệu giữa tác giả và bạn đọc. Phải chăng vì vậy, M.Gorki đã viết: —người tạo nên tác phẩm là tác giả nhưng người quyết định số phận của tác phẩm lại là độc giả.

+ Tác phẩm văn chương chỉ sống được trong tác lòng của những người tri kỉ - là bạn đọc nhưng không phải bạn đọc nào cũng hiểu được tác phẩm và thông điệp của tác giả. Tiếp nhận văn học phụ thuộc vào nhiều yếu tố: tâm lý và tâm thế tiếp nhận, môi trường văn hoá mà người đọc đang sống, đang tiếp thu, Chuyện khen hay chê trong văn chương là điều dễ thấy. Cho nên, ở bất kỳ thời đại nào, bất cứ nền văn học dân tộc nào cũng đều rất cần tiếng nói tri âm của bạn đọc dành cho tác giả. Nghĩa là bạn đọc ấy phải cảm thông, sẻ chia với những nỗi niềm tâm sự, nghĩ suy của người viết gửi gắm vào tác phẩm.

- Thực tiễn văn học: Tiên Phong Mộng Liên Đường chủ nhân Nguyễn Đăng Tuyển từng có lời bình *Truyện Kiều* như sau: “*Thúy Kiều khóc Đạm Tiên, Tố Như tử làm Truyện Thúy Kiều, việc tuy có khác nhau mà lòng thì là một, người đời sau thương người đời nay, người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài tình thật là một cái thông lụy của bọn tài tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa nay vậy*”. Chính bởi ý nghĩa đặc biệt của tiếng nói tri âm trong văn chương mà biết bao nhà thơ, nhà văn đã sáng tác những tác phẩm mà đối tượng lại chính là các nhà văn, nhà thơ. Bằng Việt viết về Pauxtôpxki, Ximônôp sung sướng khi tìm được tri âm là Tố Hữu: —*Ở đây tôi thấy thơ tôi, Sống trong bản dịch tuyệt vời của anh*”, hay Thanh Thảo đã viết về Lor ca bằng những vần thơ với nỗi đau “*bốc cháy như mặt trời*”. Trường hợp của Nguyễn Du và Tố Hữu trong hai bài thơ —*Độc Tiểu Thanh kị* và —*Kính gửi cụ Nguyễn Du* cũng không nằm ngoài mạch nguồn cảm hứng giàu giá trị nhân văn ấy.

2. Tiếng nói tri âm trong văn học qua một số tác phẩm tiêu biểu.

a. Tiếng nói tri âm trong *Độc Tiểu Thanh kị* của Nguyễn Du

- Hơn ai hết trong nền văn học Việt Nam, Nguyễn Du là người khổ vì chữ tình và khát khao sự gặp gỡ đến khắc khoải. Thi hào là một con người suốt đời đi tìm tri kỉ giữa cõi đời đen bạc. Chắc hẳn đại thi hào sẽ —ngâm cười chín suối vì —cả cuộc đời nay hiểu Nguyễn Dull, vì có biết bao người như Huy Cận, Tế Hanh, Chế Lan Viên, ...và đặc biệt là Tố Hữu đã làm thơ giải bày, giải toả hộ người những uất hận kia. Bài thơ —*Kính gửi cụ Nguyễn Dull* ra đời như bắt nhịp cầu tri âm đến những tâm sự của Tố Như trong —*Độc Tiểu Thanh kị*, đồng thời cũng khẳng định ý nghĩa đặc biệt của tiếng nói tri âm trong văn chương.

- Trước hết —*Độc Tiểu Thanh kị* là tiếng nói tri âm của một cá nhân dành cho một cá nhân, một lòng đau đi tìm một hồn đau, cất lên trong một không gian đa chiều của tiếng khóc — tiếng khóc là biểu tượng cho sự đồng cảm sâu sắc giữa hai con người khác thời đại và dân tộc. Có một khoảng không gian và thời gian diệu vợi, hun hút, ngăn cách hai người nhưng chính văn chương đã xoá nhoà biên giới địa lí, biên giới lịch sử để họ tìm đến với nhau.

- Khóc cho Tiểu Thanh, Nguyễn Du đã khóc cho người, khóc cho một thiên tài kì nữ.
- Nguyễn Du coi mình là người cùng hội cùng thuyền với người xưa, khóc cho Tiểu Thanh để rồi khóc cho chính mình.
- Bài —Độc Tiểu Thanh kị của Tô Như viết theo thể đường luật cô đúc, hàm súc nhưng phảng phất giọng điệu bi phần do rất nhiều thanh trắc, gợi cảm giác trĩu nặng, ngưng đọng.

b. Tiếng nói tri âm trong *Kính gửi cụ Nguyễn Du* của Tố Hữu

- Nếu “*Độc Tiểu Thanh kị*” là tiếng nói tri âm của một cá nhân dành cho một cá nhân, sự đồng cảm sâu sắc giữa hai người khác thời đại và dân tộc, thì “*Kính gửi cụ Nguyễn Du*” là tiếng lòng tri âm của những con người cùng nguồn cội, cùng dân tộc. Hai trăm năm sau Nguyễn Du, Tố Hữu đứng trên đỉnh cao của thời đại, của dân tộc hướng về quá khứ cha ông với niềm xót xa, thương cảm. Biết bao nhà thơ khác đồng cảm với Nguyễn Du nhưng ở Tố Hữu, sự đồng cảm ấy thật sâu sắc, mênh mông.

- Nếu như Nguyễn Du chủ yếu tri âm với cuộc đời Tiểu Thanh thì Tố Hữu còn tri âm với cả thế giới nhân vật của tác phẩm Nguyễn Du. Tố Hữu không chỉ thương Nguyễn Du mà còn thương nhân vật mà Nguyễn Du thương.

- Không chỉ hiểu bi kịch của Nguyễn Du, Tố Hữu còn chia sẻ, cảm thông với bi kịch tình đời của thi hào. Tố Hữu không chỉ tri âm với tư cách là một người nghệ sĩ với một người nghệ sĩ mà còn tri âm trên tinh thần trân trọng truyền thống, di sản của cha ông. Hiện thực thời đại mới cho phép tác giả đánh giá đầy đủ, sâu rộng và chính xác hơn sự nghiệp sáng tác của một thiên tài. Như vậy, vấn đề tri âm còn là vấn đề thời đại với thời đại, lịch sử với lịch sử.

- Tấm lòng tri âm của Tố Hữu với Nguyễn Du không chỉ là sự đồng cảm, sẻ chia mà còn là **sự trân trọng, biết ơn, lòng cảm phục, ca ngợi**. (“*Tiếng thơ ai động đất trời ... Tiếng thương như tiếng mẹ ru thắng ngày*”). Tố Hữu đánh giá rất cao giá trị sáng tác Nguyễn Du, đặc biệt nhà thơ đã khẳng định sự trường tồn bất diệt của tác phẩm “*Truyện Kiều*” trong lịch sử văn học dân tộc.

- Không chỉ thấu hiểu, sẻ chia với cuộc đời, ngợi ca thơ Nguyễn Du, Tố Hữu còn tìm cách lý giải nỗi đau của Nguyễn Du. Ông cho rằng nỗi đau ấy không phải do trời mà chính là do xã hội vạn ác thời Nguyễn Du gây nên:

- Tố Hữu sử dụng thành công thể lục bát nhẹ nhàng, đầm thắm, trang trọng; hình thức tập Kiều, lấy Kiều để chuyển tải giọng điệu lạc quan, hào hứng say mê.

c. Tiếng nói tri âm trong *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo)

- Thanh Thảo từng tâm sự rằng, ông rất ngưỡng mộ Lor-ca, rằng cuộc đời và sáng tác của người nghệ sĩ tài năng này đã gây cho ông nhiều xúc cảm và ấn tượng.

Bài thơ “*Đàn ghi ta của Lor-ca*” bày tỏ tấm lòng tri âm, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo tới Lor-ca.

- Thanh Thảo tri âm sâu sắc với nguyện ước của Lor-ca: “*khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn*”. Khát vọng đó thể hiện một tình yêu Tổ quốc nồng nàn và cũng là tình yêu nghệ thuật say đắm của Lor-ca.

- Thanh Thảo đã thấu hiểu và ngưỡng vọng sâu sắc chân dung và bản lĩnh người - thơ của Lor-ca. Một chiến sĩ yêu tự do và cái đẹp. Một nghệ sĩ du ca lãng tử, hào hoa có tâm hồn phóng khoáng, khao khát cách tân nghệ thuật, khao khát chế độ dân chủ song Lor-ca rất cô đơn.

- Thanh Thảo bày tỏ nỗi bi phần trước cái chết oan khuất của Lor-ca. Dưới bút thơ tài hoa của ông, tiếng đàn ghita đã vỡ ra thành hình, thành sắc để phục sinh cái chết oan khuất của người nghệ sĩ thiên tài.

- Với tác lòng xót thương và suy tư về cuộc già từ của Lor-ca, Thanh Thảo khẳng định: Lor-ca là một tâm hồn bất diệt, một nghệ sĩ chân chính. Nhân cách và tài năng nghệ thuật của ông sẽ sống mãi với muôn đời. Nhà thơ cũng gửi tới người đọc một thông điệp đầy tiến bộ: cái đẹp của nhân cách con người, cái đẹp của sự sáng tạo nghệ thuật chân chính sẽ có sức sống bất diệt. Đây cũng là con đường mà Thanh Thảo hằng theo đuổi.

- Với thơ tự do mang phong cách tượng trưng - siêu thực, sáng tạo hình ảnh thơ theo lối lạ hoá, tài hoa, xoá bỏ những liên từ trong thơ, bài thơ không dấu câu, khụng viết hoa đầu mỗi dòng thơ tạo nên cấu trúc ngữ pháp độc đáo, nhịp bất thường, những từ mô phỏng âm thanh của các nốt ghi-ta (li-la) được —cây|| vào bài thơ một cách tự nhiên... tất cả làm nên một kiệt tác.

3. Đánh giá

- Nhà văn sáng tạo không chỉ vì độc giả của hiện tại mà nhà văn thiên tài còn phải đáp ứng được những yêu cầu của mọi thời đại, mọi thế hệ. Nhà văn muốn tạo ra sự đồng cảm, tri âm với độc giả thì tác phẩm của họ phải nói được những vấn đề bức xúc của thời đại, con người, những vấn đề mang tầm phổ quát; để rồi qua tác phẩm, người đọc không chỉ hiểu tác phẩm, hiểu nhà văn, mà còn hiểu thời đại nhà văn đang sống. Rộng hơn, độc giả còn so sánh được thời đại nhà văn sống và thời đại hiện tại của chính mình. Thời đại nào cũng thế, những khao khát tri âm luôn là mong ước cháy bỏng, mãnh liệt của con người.

- Muốn vậy, nhà văn cần phải có một cái Tài, cái Tâm cao cả. Người nghệ sĩ luôn cần một tấm lòng sống và yêu hết mình với cuộc đời, con người. Và người đọc hãy sống hết mình với tác phẩm để hiểu được thông điệp thâm mỹ của tác giả, để chia sẻ, cảm thông với tác giả và trở thành người —đồng sáng tạo|| với nhà thơ, nhà văn.

- Trong văn học nghệ thuật, tìm được kẻ tri âm không phải là dễ. Liệu Bá Nha có được mấy Chung Tử Kỳ? Thánh thơ Đỗ Phủ mà cũng phải trăn trở: “*Bác niên ca tự khổ - Vị kiến hữu tri âm*” (Cả đời nói lên nỗi khổ của mình – Chưa từng thấy tri âm). Như vậy tiếng nói tri âm giữa người đọc và người viết là điều văn học dân tộc nào, thời đại nào cũng hướng tới. Chẳng vậy mà nhà văn Bùi Hiển cho rằng : —Ở nước nào cũng thế thôi, sự cảm thông sẽ chia giữa người đọc và người viết là trên hết.

II. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN LUYỆN VỀ NHÀ

Đề 1:

Phải chăng, khi đọc một văn bản văn học, người đọc đã thực hiện một quá trình kép: vừa sáng tạo ra tác phẩm vừa kiến tạo nên con người mình?

Đề 2:

Nhà văn Bùi Hiền đã phát biểu khẳng định ý nghĩa đặc biệt của tiếng nói tri âm trong văn chương: *Ở nước nào cũng thế thôi, sự cảm thông sẽ chia giữa người đọc và người viết là trên hết.* (Báo văn nghệ số ra ngày 10-2-2001)

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích bài thơ *Độc Tiểu Thanh kị* của Nguyễn Du và *Đàn ghi ta của Lor – ca* của Thanh Thảo để làm rõ tiếng nói tri âm ở mỗi bài.

Đề 3:

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến sau của M.Gorki: *Người tạo nên tác phẩm là tác giả nhưng người quyết định số phận của tác phẩm lại là độc giả.*

Đề 4:

Bình luận ý kiến sau của Hoàng Đức Lương:

Đến như văn thơ, thì lại là sắc đẹp ngoài cả sắc đẹp, vị ngon ngoài cả vị ngon, không thể đem mắt tâm thường mà xem, miệng tâm thường mà nếm được.

Đề 5:

Bình luận ý kiến của Hoàng Đức Lương

Đối với thơ văn, cổ nhân ví như khoái cháp, ví như gắm vóc; khoái cháp là vị rất ngon trên đời, gắm vóc là màu rất đẹp trên đời, phàm người có miệng, có mắt, ai cũng quý trọng mà không vứt bỏ khinh thường.

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến trên.

Đề 6:

Lưu Hiệp xưa đã nhận thấy: *Người khắng khái nghe điệu hiên ngang mà gõ nhịp, người kín đáo thấy văn hàm súc liền đi theo, kẻ sáng ý thấy văn đẹp thì động lòng, kẻ chuộng lạ thấy chuyện khác thường thì mê đắm.*

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến trên.

Đề 7:

Potevnia cho rằng: *Chúng ta có thể hiểu được tác phẩm thi ca chừng nào chúng ta tham gia vào việc sáng tạo ra nó.*

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến trên.

Đề 8:

Lưu Quý Kì đã viết: *Nhà thơ gói tâm tình của mình trong thơ. Người đọc mở ra bỗng thấy tâm tình của chính mình.*

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến trên.

Đề 9:

Suy nghĩ của anh/chị về tâm sự sau của nhà thơ Xuân
Diệu: *Vâng, đáng lẽ làm xong tôi giữ lấy*

*Vui gì đâu mà đưa đẩy dương tranh Nhưng cũng lạ! Mối
tình đau khổ ấy*

Để riêng tây, như có chỗ không dành.

(Gửi hương)

Đề 10

Trong tiêu luận *Tiếng nói của văn nghệ* Nguyễn Đình Thi có viết:

*Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dùng
tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc...*

Qua một bài thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới, anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận
định trên.

Đề 11

G. Lanson (1857 - 1934) trong Lời nói đầu cuốn *Lịch sử văn học Pháp* có tên *Văn
học không phải là đối tượng của nhận thức* đã khẳng định: *Văn học không phải là đối
tượng để nhận thức: đó là sự thực hành, sự thưởng thức. Người ta không thể biết nó, không
thể học nó, mà người ta thực hành nó, nuôi dưỡng và yêu mến nó.*

Hãy bình luận ý kiến trên.

Đề 12

Việc đọc cũng quan trọng như là việc viết. (K. Marx)

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến trên.

Đề 13

*Từ xưa đến nay, văn học chân chính tồn tại là dựa vào tác lòng tri âm của người
đọc.*

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến trên.